

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẢI HẬU
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 120/2018/HNGĐ-ST

Ngày 03-7-2018

V/v: “Ly hôn, con chung giữa
anh C và chị H”

NHÂN DANH

NUỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lại Văn Tùng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Văn Bình

Ông Nguyễn Hải Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Xuyên - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hải Hậu.

Ngày 03 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hải Hậu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 109/2018/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2018 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Phạm Văn C, sinh năm 1991

Địa chỉ: Xóm 18, xã Q, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1991

Địa chỉ: Xóm 18, xã Q, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

(Có mặt anh Phạm Văn C và chị Nguyễn Thị Thu H).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 08 tháng 05 năm 2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Phạm Văn C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Văn C kết hôn với chị Nguyễn Thị Thu H cơ sở tự nguyện có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn vào ngày 08-06-2013 tại UBND xã Q, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn anh C và chị H chung sống với nhau tại nhà bố mẹ đẻ anh C ở xóm 18, xã Q, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định, chị H ở nhà làm công việc nội trợ, còn anh C làm nghề cắt tóc. Tháng 6 năm 2016 anh C mở cửa hàng làm tóc tại tổ dân phố số 1, thị trấn Yên Định, huyện Hải Hậu, vợ chồng chung sống cùng nhau tại cửa hàng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên

nhân là do chị H nghi ngờ anh C có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, tình cảm ngày càng lạnh nhạt với nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 3 năm 2017 cho đến nay được hơn 1 năm. Nay anh C xét thấy tình cảm giữa anh và chị H không còn, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, mâu thuẫn đã đến mức căng thẳng trầm trọng, vợ chồng không thể về chung sống đoàn tụ với nhau nên anh C vẫn giữ nguyên ý kiến đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Thu H trình bày: Về thời gian tìm hiểu, thời gian kết hôn, quá trình chung sống, thời gian vợ chồng sống ly thân như vậy là hoàn toàn đúng sự thật đúng như anh Phạm Văn C đã trình bày. Trong quá trình chung sống vợ chồng vẫn chung sống với nhau hòa thuận, hạnh phúc bình thường, khi chung sống cùng nhau tại tiệm cắt tóc ở thị trấn Yên Định thỉnh thoảng vợ chồng có xảy ra xích mích va chạm nhỏ trong sinh hoạt, chỉ có tranh luận cãi nhau, chưa có xô sát lớn. Sau khi sinh con thứ hai chị có nghe dư luận nói anh C có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên anh C đã tỏ thái độ thờ ơ, lạnh nhạt với chị. Nay anh C làm đơn xin ly hôn, ý kiến của chị H là không nhất trí ly hôn, bởi vì trong cuộc sống chung, vợ chồng chỉ có va chạm nhỏ, không có mâu thuẫn gì lớn, chị H vẫn còn tình cảm với anh C.

Về quan hệ nuôi con: Anh Phạm Văn C và chị Nguyễn Thị Thu H đều trình bày vợ chồng có hai con chung con lớn Phạm A, sinh ngày 30-10-2013 hiện nay đang học lớp mẫu giáo 5 tuổi trường mầm non xã Q, con nhỏ Phạm Ngọc B, sinh ngày 18-4-2017. Hai con chung đang sống cùng chị H tại nhà của bố mẹ đẻ anh C ở xóm 18, xã Q, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. Khi ly hôn nguyện vọng của anh C xin được nuôi dưỡng chăm sóc con lớn cháu Phạm A, còn con nhỏ cháu Phạm Ngọc B anh C tự nguyện đồng ý để cho chị H nuôi dưỡng chăm sóc, anh C không yêu cầu chị H cấp dưỡng tiền nuôi con cho anh mà để chị H tự nguyện đi lại thăm nom, chăm sóc con. Nếu phải ly hôn nguyện vọng của chị H xin được nuôi dưỡng, chăm sóc con nhỏ cháu Phạm Ngọc B, chị H đồng ý để cho anh C nuôi dưỡng chăm sóc con lớn cháu Phạm A, chị H không yêu cầu anh C cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị mà để anh C tự nguyện đi lại thăm nom, chăm sóc con.

Về quan hệ tài sản chung và công nợ: Anh Phạm Văn C và chị Nguyễn Thị Thu H đều trình bày: Vợ chồng anh chị không có tài sản gì chung, tài sản riêng và đồ dùng tư trang cá nhân của ai thì người đó đang quản lý, sử dụng. Vợ chồng anh, chị không vay nợ của ai và không cho ai vay nợ.

Tại phiên toà hôm nay, anh Phạm Văn C và chị Nguyễn Thị Thu H vẫn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Anh Phạm Văn C và chị Nguyễn Thị Thu H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn vào ngày 18-6-2013 tại UBND xã Q, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. Như vậy cuộc hôn nhân này là hợp pháp.

[2] Qua xem xét toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án tại phiên tòa hôm nay. Xét thấy mâu thuẫn giữa anh Phạm Văn C và chị Nguyễn Thị Thu H là có thật. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình và quan điểm sống không hòa hợp nhau, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau, chị H không tin tưởng anh C, vợ chồng sống ly thân và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm, sinh lý và trách nhiệm với nhau từ tháng 3 năm 2017 cho đến nay được hơn 1 năm.

[3] Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Phạm Văn C và chị Nguyễn Thị Thu H là trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận nguyện vọng xin ly hôn của anh C là phù hợp với Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Vợ chồng anh Phạm Văn C và chị Nguyễn Thị Thu H có hai con chung cháu Phạm A, sinh ngày 30-10-2013, cháu Phạm Ngọc B, sinh ngày 18-4-2017, hiện nay đang sống cùng với chị H tại nhà bố mẹ đẻ anh C. Khi ly hôn nguyện vọng của anh C xin được nuôi dưỡng, chăm sóc cháu An, nguyện vọng của chị H xin được nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Trâm. Xét yêu cầu của các đương sự về việc nuôi dưỡng con chung thì thấy hiện nay con nhỏ mới được hơn một tuổi, cháu còn quá nhỏ nên cần sự chăm sóc trực tiếp của người mẹ, điều kiện, nghề nghiệp mức thu nhập của anh C và chị H như nhau, để đảm bảo sự phát triển mọi mặt của con chung nên cần tiếp tục giao cháu Phạm A cho anh C nuôi dưỡng, giao cháu Phạm Ngọc B cho chị H nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Do mỗi người nuôi một con và anh C, chị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên nghĩa vụ cấp dưỡng không đặt ra giải quyết.

[5] Về tài sản chung và công nợ: Anh Phạm Văn C và chị Nguyễn Thị Thu H đều trình bày, vợ chồng không có tài sản gì chung, không vay nợ của ai và không cho ai vay nợ, tài sản riêng và đồ dùng tư trang cá nhân của ai thì người đó đang quản lý, sử dụng. Khi giải quyết ly hôn về quan hệ chia tài sản chung và công nợ của anh C, chị H không có gì nên Tòa án không cần đề cập giải quyết.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Phạm Văn C phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Phạm Văn C và chị Nguyễn Thị Thu H.

2. Về nuôi con chung:

2.1 Giao con chung Phạm A, sinh ngày 30-10-2013 cho anh Phạm Văn C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành và có khả năng lao động tự lập được hoặc có tài sản để tự nuôi mình.

2.2 Giao con chung Phạm Ngọc B, sinh ngày 18-4-2017 cho chị Nguyễn Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành và có khả năng lao động tự lập được hoặc có tài sản để tự nuôi mình.

2.3 Anh Phạm Văn C và chị Nguyễn Thị Thu H không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau mà có quyền chăm sóc, thăm nom con nhưng không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Phạm Văn C phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ tại biên lai số 0000013 ngày 08-6-2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hải Hậu, anh Phạm Văn C đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nam Định: (1 bản);
- VKSND tỉnh+huyện: (2 bản);
- Chi cục THADS huyện: (1 bản);
- UBND xã Q: (1 bản);
- Cấp cho đương sự: (2 bản);
- Lưu hồ sơ: (1 bản);
- Lưu văn phòng: (1 bản).

